

Số: /DK-TTBVTV

Ninh Bình, ngày tháng 8 năm 2022

## DỰ KIẾN

### Tình hình phát sinh gây hại của một số sinh vật hại chủ yếu trên các cây trồng chính vụ mùa năm 2022

#### I. NHỮNG CƠ SỞ, CĂN CỨ:

- Căn cứ vào tình hình thời tiết từ đầu vụ Mùa 2022 đến nay và nhận định xu thế thời tiết vụ mùa 2022 của Trung tâm khí tượng thủy văn: Nhiệt độ trung bình từ tháng 6 đến đầu tháng 8 năm 2022 phổ biến cao hơn từ 0,5-1,0<sup>o</sup>C so với TBNN, từ cuối tháng 8 đến tháng 10 năm 2022 nhiệt độ phổ biến ở mức xấp xỉ TBNN. Lượng mưa từ tháng 6 đến đầu tháng 8 năm 2022, tổng lượng mưa cao hơn so với TBNN từ 57-120mm, từ tháng cuối tháng 8 đến tháng 10 năm 2022 lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ cao hơn TBNN.

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất vụ Mùa năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Ninh Bình.

+ *Cây lúa*. Diện tích 31.407,2 ha đạt 99,4% kế hoạch, Trong đó diện tích lúa cấy 12.795,7 ha (chiếm 41% diện tích gieo cấy), diện tích gieo sạ 18.611,5 ha (chiếm 59% diện tích gieo cấy).

+ *Cây rau, màu các loại*: Toàn tỉnh gieo trồng cây rau, màu các loại được 3.211,9 ha/3.622,7 ha đạt 88,7% kế hoạch.

- Căn cứ cơ cấu, thời vụ:

+ *Trà Mùa sớm*: Theo kế hoạch là 11.058,3 ha chiếm 35% DT gieo cấy. Thực tế đạt 4.200,4 ha chiếm 13,4%, gieo cấy tập trung từ ngày 25/6-04/7/2022.

+ *Trà Mùa trung*: Theo kế hoạch là 15.797,6 ha chiếm 50% DT gieo cấy. Thực tế đạt 23.654,6 ha chiếm 74,9%, gieo cấy tập trung từ ngày 10/7-25/7/2022.

+ *Trà mùa muộn*: Theo kế hoạch là 4.739,3 ha chiếm 15% DT gieo cấy. Thực tế đạt 3.552 ha chiếm 11,3%, gieo cấy tập trung từ ngày 10/7-25/7/2022.

\* *Nguyên nhân chung*: Do vụ lúa Đông xuân thu hoạch muộn hơn từ 10-15 ngày làm ảnh hưởng tới tiến độ làm đất, sản xuất vụ Mùa 2022. Vì vậy không đảm bảo diện tích lúa mùa sớm so với kế hoạch đề ra.

+ Các giống lúa gieo cấy trong vụ chủ yếu là Bắc thom số 7, LT2, Đài thom 8, Khang dân 18, Nếp, Thiên ưu 8,... Hầu hết giống gieo cấy trong vụ là những giống lúa có tiềm năng, năng suất, chất lượng cao nhưng lại nhiễm các đối tượng sâu bệnh như: Bệnh bạc lá, đốm sọc, sâu cuốn lá nhỏ, rầy các loại...

- Căn cứ vào diễn biến tình hình các sinh vật gây hại hiện tại cũng như quy luật phát sinh, phát triển của chúng trong những năm gần đây, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật dự kiến tình hình phát sinh và gây hại của một số đối tượng sinh vật gây hại chủ yếu trong vụ Mùa năm 2022.

## II. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH PHÁT SINH VÀ GÂY HẠI MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH VỤ MÙA NĂM 2022

### 1. Trên cây lúa

**1.1. Chuột:** Gây hại trên các trà lúa, hại nặng những diện tích lúa gieo, cấy không tập trung, ven làng ven thỏ, ven đê gần các khu công nghiệp, đất trồng,... Cao điểm gây hại từ thượng tuần tháng 8 đến trung tuần tháng 9. Nếu không tổ chức diệt chuột sớm, thường xuyên, liên tục, nhiều diện tích sẽ bị hại nặng, ảnh hưởng lớn đến năng suất. Tỷ lệ hại nơi cao: 5-10%; cá biệt trên 20% số danh. Quy mô, mức độ hại tương đương so với vụ Mùa 2021.

### 1.2. Rầy nâu, rầy lưng trắng

- Lúa 5: Rầy cám nở rộ từ ngày 28/7-07/8. Mật độ rầy trung bình: 50 con/m<sup>2</sup>; nơi cao: 70-100 con/m<sup>2</sup>; ổ trên 200 con/m<sup>2</sup> (Huyện Kim Sơn, Yên Mô, Yên Khánh,...). Quy mô, mức độ hại cao hơn so với vụ Mùa 2021. Ngoài ra rầy lưng trắng mang virus là môi giới truyền bệnh lùn sọc đen trên đồng ruộng.

- Lúa 6: Rầy cám nở rộ từ hạ tuần tháng 8 đến thượng tuần tháng 9, gây hại rộng trên các trà lúa ở các huyện, thành phố trong tỉnh. Mật độ phổ biến: 300-400 con/m<sup>2</sup>; nơi cao: 1.000-1.500 con/m<sup>2</sup>; ổ trên 3.000 con/m<sup>2</sup> (Huyện Kim Sơn, Yên Mô, Yên Khánh, Hoa Lư,...). Nếu không phát hiện và phun trừ kịp thời, nhiều diện tích bị hại nặng sẽ làm đổ lúa hoặc gây cháy ổ trên trà lúa mùa sớm đang ở giai đoạn chắc xanh. Quy mô, mức độ hại cao hơn vụ Mùa 2021.

- Lúa 7: Rầy cám nở rộ từ trung tuần đến hạ tuần tháng 9, gây hại rộng trên các trà lúa, đặc biệt trên trà lúa mùa trung đang ở giai đoạn chắc xanh đến chín, trà mùa muộn đang ở giai đoạn đòng - trổ bông. Mật độ phổ biến: 200-250 con/m<sup>2</sup>; nơi cao: 500-700 con/m<sup>2</sup>; ổ trên 2.000 con/m<sup>2</sup> (Huyện Kim Sơn, Yên Mô, Yên Khánh, Hoa Lư,...). Nếu không phát hiện và phòng trừ kịp thời, rầy có khả năng gây cháy ổ ở giai đoạn lúa chắc xanh đến chín. Quy mô, mức độ hại cao hơn so với vụ Mùa 2021.

### 1.3. Sâu cuốn lá nhỏ

- Lúa 5: Trưởng thành ra rộ từ ngày 25/7-5/8, sâu non nở rộ từ ngày 30/7-10/8 gây hại rải rác trên các trà lúa, mật độ sâu trung bình: 0,7 con/m<sup>2</sup>; nơi cao: 1-2

con/m<sup>2</sup>; cá biệt 5-7 con/m<sup>2</sup> (Huyện Nho Quan, Gia Viễn,...). Quy mô, mức độ gây hại thấp hơn vụ Mùa 2021.

- Lúa 6: Trưởng thành ra rộ từ hạ tuần tháng 8 đến thượng tuần tháng 9, sâu non nở rộ từ hạ tuần tháng 8 đến thượng tuần tháng 9, gây hại rộng trên các trà lúa, đặc biệt trên trà lúa mùa trung ở huyện Kim Sơn, Yên Mô, Yên Khánh, Hoa Lư, TP Ninh Bình... Mật độ sâu phổ biến: 30-40 con/m<sup>2</sup>; nơi cao: 70-100 con/m<sup>2</sup>; cá biệt trên 200 con/m<sup>2</sup> (Huyện Kim Sơn, Yên Mô, Yên Khánh, Hoa Lư,...). Quy mô, mức độ hại tương đương so với vụ Mùa 2021.

- Lúa 7: Trưởng thành ra rộ từ trung tuần đến hạ tuần tháng 9, sâu non nở rộ từ hạ tuần tháng 9 đến thượng tuần tháng 10, gây hại cục bộ trên trà lúa mùa trung trễ sau ngày 25/9 và trà lúa mùa muộn. Mật độ sâu nơi cao: 20-30 con/m<sup>2</sup>, cá biệt trên 100 con/m<sup>2</sup> (Huyện Kim Sơn, Thành phố Ninh Bình,...) Quy mô, mức độ gây hại cao hơn vụ Mùa 2021.

#### **1.4. Sâu đục thân 2 chấm**

- Lúa 4: Trưởng thành ra rộ từ ngày 12/7-01/8. Sâu non nở rộ từ ngày 19/7-08/8, gây hại cục bộ trên các trà lúa, đặc biệt trên trà lúa mùa sớm ở các huyện Yên Mô, Nho Quan, Gia Viễn,... Tỷ lệ hại nơi cao: 0,5-1%; cá biệt 2-3% đánh héo. Quy mô, mức độ hại tương đương so với cùng lúa vụ Mùa 2021.

- Lúa 5: Trưởng thành ra rộ từ trung tuần tháng 8 đến thượng tuần tháng 9. Sâu non nở rộ từ hạ tuần tháng 8 đến trung tuần tháng 9, gây hại trên các trà lúa trễ sau ngày 05/9 ở các huyện: Nho Quan, Yên Mô, Gia Viễn... và sau ngày 20/9 ở các huyện Yên Khánh, Kim Sơn, TPTĐ. Tỷ lệ hại nơi cao: 1-3%; cá biệt 7-10% đồng héo, bông bạc (Nho Quan, Yên Mô, Gia Viễn, Hoa Lư, TP Tam Điệp...). Quy mô, mức độ hại cao hơn so với vụ Mùa 2021.

- Lúa 6: Trưởng thành ra rộ từ hạ tuần tháng 9 đến trung tuần tháng 10. Sâu non nở rộ từ thượng tuần đến hạ tuần tháng 10, gây hại trên trà lúa mùa muộn. Tỷ lệ hại nơi cao: 1-3% (Huyện Kim Sơn, Hoa Lư, Nho Quan, Gia Viễn, TP Ninh Bình, ...). Quy mô, mức độ hại cao hơn so với vụ Mùa 2021.

**1.5. Bệnh lùn sọc đen:** Gây hại cục bộ trên các trà lúa từ giai đoạn cuối đẻ nhánh đến trổ bông. Cao điểm gây hại của bệnh từ thượng tuần tháng 8 đến trung tuần tháng 9. Tỷ lệ bệnh nơi cao: 1-3%; cá biệt 7-10% số dảnh (Huyện Kim Sơn, Yên Mô, Yên Khánh,...). Quy mô, mức độ gây hại tương đương so với vụ Mùa 2021.

**1.6. Bệnh đốm sọc vi khuẩn:** Bệnh phát sinh gây hại cục bộ trên các trà lúa, giống lúa, hại nặng trên những diện tích bón phân không cân đối, bón thừa đạm, bón muộn, giống nhiễm như: Thiên ưu 8, LT2, Bắc thơm số 7, BC 15,... Cao điểm gây hại của bệnh từ thượng tuần tháng 8 đến trung tuần tháng 9. Tỷ lệ bệnh nơi cao: 10-20%; cá biệt: 30-80% số lá. Quy mô, mức độ hại cao hơn so với vụ Mùa 2021.

**1.7. Bệnh bạc lá:** Bệnh phát sinh và gây hại trên các trà lúa, giống lúa, hại nặng trên những diện tích bón phân không cân đối, bón thừa đạm, bón muộn, giống nhiễm như: LT2, Bắc thơm số 7, BC15, Thiên ưu 8,... Bệnh tăng nhanh và gây hại rộng sau những trận mưa giông, cao điểm gây hại của bệnh từ trung tuần tháng 8 đến hạ tuần tháng 9. Tỷ lệ bệnh nơi cao: 20-30%; cá biệt 50-80% số lá. Quy mô, mức độ hại cao so với vụ Mùa 2021.

**1.8. Bệnh khô vằn:** Gây hại rộng trên tất cả các trà lúa, giống lúa. Cao điểm gây hại của bệnh từ trung tuần tháng 8 đến trung tuần tháng 9, gây hại nặng ở giai đoạn lúa phân hoá đòng đến trổ bông trên những ruộng cấy dày, bón thừa đạm, bón phân không cân đối, ruộng cạn nước. Tỷ lệ bệnh phổ biến: 5-7%; nơi cao: 20-30%; cá biệt: 50-70% số dảnh. Quy mô, mức độ hại tương đương với vụ Mùa 2021.

**1.9. Bệnh đạo ôn cổ bông:** Bệnh gây hại cục bộ trên các giống lúa nhiễm như: BC15, TBR 225, Nếp, Đài thơm 8, KD18, ... Cao điểm gây hại của bệnh từ thượng tuần đến thượng tuần tháng 10. Tỷ lệ bệnh nơi cao: 1-3%; cá biệt: 5-7% số bông. Quy mô, mức độ gây hại tương đương vụ Mùa 2021.

Ngoài ra, lúa cỏ gây hại rộng trên trà lúa gieo sạ, bệnh lép đen hạt, nhện gié, sâu cắn gié hại cục bộ.

## **2. Trên cây trồng khác**

### **2.1. Trên cây ngô**

\* *Sâu keo mùa thu:* Gây hại cục bộ trên các trà ngô, đặc biệt trên trà ngô đang ở giai đoạn 3-6 lá. Mật độ phổ biến: 1-2 con/m<sup>2</sup>, nơi cao: 3-5 con/m<sup>2</sup>, cá biệt: 10-15 con/m<sup>2</sup> (Nho Quan, TP Tam Điệp, Yên Khánh, Yên Mô,...). Nếu không phát hiện và phòng chống kịp thời, nhiều ruộng sẽ bị hại nặng, ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất ngô.

### **2.2. Trên cây lạc**

- *Sâu cuốn lá:* Sâu non nở rộ từ trung tuần đến hạ tuần tháng 8, gây hại trên các trà lạc ở giai đoạn đâm tia, quả non. Mật độ phổ biến: 1-3 con/m<sup>2</sup>; nơi cao: 5-7 con/m<sup>2</sup>; cá biệt 10-15 con/m<sup>2</sup> (Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, TP Ninh Bình,...). Quy mô, mức độ hại tương đương so với vụ Mùa 2021.

- *Sâu khoang:* Sâu non nở rộ từ trung tuần đến hạ tuần tháng 8. Mật độ phổ biến: 3-5 con/m<sup>2</sup>; nơi cao: 10-20 con/m<sup>2</sup>, cá biệt ở trên 30 con/m<sup>2</sup> (Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, TP Ninh Bình...). Quy mô, mức độ hại tương đương so với vụ Mùa 2021.

- *Bệnh đốm lá:* Hại rộng trên tất cả các giống lạc ở các vùng trồng lạc trong tỉnh. Cao điểm gây hại từ giai đoạn quả non đến chín. Tỷ lệ bệnh phổ biến: 3-5%; nơi cao: 10-20%; cá biệt 30-50% số lá (Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, TP Ninh Bình,...). Quy mô, mức độ gây hại cao hơn so với vụ Mùa 2021.

### 2.3. Trên cây dứa

- *Rệp sáp*: Gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao: 1-3% số cây. Quy mô, mức độ hại thấp hơn so với cùng kỳ năm 2021.

- *Bệnh thối nõn*: Gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao: 3-5% số cây (TP Tam Điệp). Quy mô, mức độ hại thấp hơn so với cùng kỳ năm 2021.

### III. ĐỀ NGHỊ

- Tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật: Kỹ thuật thâm canh lúa cải tiến (SRI); kỹ thuật phòng trừ dịch hại tổng hợp IPM; bón phân cân đối, đúng kỹ thuật giúp cây trồng khỏe, tăng khả năng chống chịu các đối tượng sinh vật gây hại, đặc biệt là bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, bệnh lùn sọc đen...

- Tăng cường kiểm tra đồng ruộng, phân rõ các trà lúa, theo dõi chặt chẽ diễn biến của thời tiết, diễn biến các đối tượng sinh vật gây hại để có biện pháp phòng trừ sinh vật hại kịp thời khi tới ngưỡng (Chú ý: Chuột, rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân lúa hai chấm, sâu cuốn lá nhỏ,... trên cây lúa; sâu keo mùa thu trên cây ngô).

- Triển khai tốt Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc tổ chức cộng đồng quản lý chuột hại bảo vệ sản xuất nông nghiệp năm 2022.

- Thực hiện các biện pháp phòng trừ bệnh lùn sọc đen theo Kế hoạch số 1353/KH-SNN ngày 17/6/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về Kế hoạch phòng chống bệnh lùn sọc đen hại lúa Mùa năm 2022.

- Tiếp tục thực hiện Hướng dẫn số 01/HD-TTBVTV ngày 20/6/2022 của Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật về biện pháp quản lý lúa cỏ vụ Mùa 2022.

- Tăng cường công tác thanh tra, quản lý thuốc bảo vệ thực vật, phân bón./.

#### **Nơi nhận:**

- Cục BVTV, TTBVTV phía Bắc (để b/c);
- Sở Nông nghiệp & PTNT (để b/c);
- Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Đài PTTH, Báo Ninh Bình;
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, TP;
- Lưu: VT, KDTV.

PTX

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Đinh Thị Thao**

